

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, làng, khối phố, khu phố... (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Khái niệm, phân loại thôn, tổ dân phố

1. Khái niệm: Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

2. Thôn, làng, buôn, bản, bon, plei...(gọi chung là thôn); thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.

3. Tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu... (gọi chung là tổ dân phố); tổ dân phố được tổ chức ở phường; dưới phường là tổ dân phố (hoặc các khu vực dân cư có tính đặc thù nêu tại khoản 2 Điều này).

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định; chỉ thực hiện sáp nhập các thôn, tổ dân phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.

4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì ghép vào thôn, tổ dân phố liền kề.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn. Thôn thuộc vùng đồng bằng có trên 500 hộ gia đình có thể bố trí thêm 01 Phó Trưởng thôn; thôn thuộc xã miền núi, biên giới, hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn có trên 350 hộ gia đình có thể bố trí thêm 01 Phó Trưởng thôn.

2. Mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố. Tổ dân phố thuộc vùng đồng bằng có trên 600 hộ gia đình có thể bố trí thêm 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố; tổ dân phố thuộc phường miền núi, biên giới, hải đảo có trên 500 hộ gia đình có thể bố trí thêm 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người đại diện cho Nhân dân thôn, tổ dân phố, do cử tri đại diện hộ gia đình trực tiếp bầu cử và được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

4. Trong quá trình xác định số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp chặt chẽ với cơ quan Công an cùng cấp để đối chiếu, thống nhất số liệu dân cư, đảm bảo tính chính xác và đồng bộ.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các

công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

5. Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm một lần vào thời gian cuối năm theo Điều 33 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 và có thể tổ chức kỳ họp chuyên đề khi cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý, điều hành cơ sở. Thành phần tham dự hội nghị là đại diện của toàn thể các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

2. Việc tổ chức hội nghị thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định các nội dung theo quy định tại Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15; đánh giá kết quả hoạt động của thôn, tổ dân phố và Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 04/2012/TT-BNV hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2018/TT-BNV và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 315/2025/NĐ-CP ban hành Quy chế mẫu của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện một số nhiệm vụ quyền hạn do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công.

Điều 8. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố phải là người có nơi thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố.

2. Đủ 21 tuổi trở lên và tối đa 70 tuổi.

3. Hiểu biết về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được Nhân dân tín nhiệm.

4. Có năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

5. Có trình độ văn hóa tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên đối với thôn vùng đồng bằng và tổ dân phố; tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên đối với thôn thuộc xã miền núi, biên giới, hải đảo và thôn đặc biệt khó khăn.

Điều 9. Quy trình bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và lựa chọn Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Quy trình bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II Nghị định số 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn, báo cáo Chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố và thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

3. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình xét thấy không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc không còn được Nhân dân tín nhiệm, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, vi phạm các quy định của cấp trên thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo Chi ủy chi bộ thôn, Tổ dân phố và thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho thôi giữ chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

4. Trường hợp do sáp nhập, thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho

đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã Quyết định việc tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 10. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là 05 năm; nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo nhiệm kỳ của Chi bộ thôn, tổ dân phố.

2. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 11. Chế độ, chính sách

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng, mức phụ cấp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng mức hỗ trợ bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố theo quy định hiện hành.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công tác.

4. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; nếu không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được Nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm pháp luật thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ cho thôi giữ chức danh theo quy định.

5. Chế độ đối với chức danh lâm thời:

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời được hưởng chế độ, chính sách như Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Thời gian hưởng chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời được tính từ ngày quyết định cử lâm thời có hiệu lực cho đến ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

6. Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được cân đối hàng năm trong dự toán thu, chi ngân sách cấp xã theo phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện Quy chế này và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo, quản lý và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Tổ chức thực hiện bầu, công nhận và cho thôi chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; công nhận và cho thôi giữ chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định của pháp luật và Quy chế này; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Xây dựng hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố theo quy định và báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quy chế này và quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp những văn bản viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đã được bầu, công nhận và đang giữ chức danh trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định hiện hành cho đến khi hết nhiệm kỳ hoặc đến khi có Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới được bầu, công nhận theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.